

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM PHI MÁC XÍT VỀ NGUỒN GỐC CỦA TÔN GIÁO

ĐINH THỊ THANH HUYỀN^(*)

Tôn giáo là sinh hoạt tâm linh của nhân loại được hình thành từ xa xưa, hiện đang tồn tại và sẽ còn tồn tại lâu dài. Sinh hoạt tâm linh đó, ở vị thế tự nhiên của nó, cũng như với vị thế là một bộ phận cấu thành của thượng tầng kiến trúc, theo quan niệm của triết học Mác - Lênin, luôn tác động trở lại, đôi khi sâu rộng tới đời sống của con người. Để hiểu được sâu sắc và toàn diện đời sống con người nhằm cải tạo cuộc sống đó ngày một tốt đẹp hơn, không thể bỏ qua việc tìm hiểu tôn giáo.

Tôn giáo đã và đang là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học từ thời cổ đại cho tới ngày nay, với nhiều cách kiến giải của nhiều trường phái khác nhau.

Cho đến nay, những bộ môn khoa học xã hội và nhân văn đã đạt được những thành tựu to lớn, có khả năng góp phần soi sáng cho việc nghiên cứu tôn giáo. Song, do nội dung của tôn giáo phức tạp, hình thái của tôn giáo đa dạng với nhiều nét đặc thù so với các hiện tượng xã hội khác của con người, nên hiện vẫn chưa có sự thống nhất ý kiến về nguồn gốc của tôn giáo.

Trong bài viết này, chúng tôi trình bày một cách khái quát các quan điểm phi macxit về nguồn gốc của tôn giáo.

1. Quan điểm thần học và duy tâm siêu hình

Các nhà thần học, chủ yếu là các nhà thần học Do Thái giáo và Công giáo, cho rằng con người trên thế gian này luôn sống trong sự sợ hãi, lo lắng, đau khổ, bất công, mâu thuẫn, bấp bênh, không làm chủ được số phận của mình. Trong hoàn cảnh khốn cùng ấy, họ mong muốn được hạnh phúc, được cứu vớt cho dù sự cứu vớt đó là từ những nhân vật siêu nhiên, hiện diện ngoài thế giới của con người, có quyền lực vô biên như Yaweh (Do Thái giáo), Chúa Trời mà hiện thân là Chúa Jesus (Công giáo), qua sự khải thị đã đến để cứu vớt con người bằng cách chỉ ra cho họ con đường để đạt đến cõi hạnh phúc vĩnh hằng. Các nhà thần học này còn cho rằng, đó không chỉ là nguồn gốc của sự xuất hiện những tôn giáo lớn mà còn là nguồn gốc phát sinh của mọi tôn giáo.

Như vậy, tôn giáo mang bản chất siêu thế mà con người chỉ nhận biết được qua sự khải thị hoặc cảm nhận, là thế lực siêu nhiên chi phối toàn bộ thế giới con người. Tôn giáo là cái tồn tại vĩnh hằng, vô thủy, vô chung, bất biến trong thời gian và không gian.

Theo quan điểm của các nhà duy tâm siêu hình thì Chúa Trời, thần linh... mà con người tôn thờ chỉ là những biểu tượng cho cái thực thể tuyệt đối, vĩnh hằng, toàn thiện, toàn mỹ, là cái sáng tạo, cái

*. ThS., Viện Văn hoá, Hà Nội.

nguồn gốc ban đầu và mục tiêu cuối cùng chi phối thế gian này theo những nguyên lí bất biến. Đối với thế giới tự nhiên, cái sáng tạo toàn thiện, toàn mỹ đó thể hiện trong sự hoàn hảo tự nhiên của sự vật. Còn đối với nhân loại, con người do có trí tuệ nên nhận biết được sự thống nhất đó để tự hoàn thiện mình trong niềm tin và mối quan hệ với cái sáng tạo, tự nhận thức mình cho rõ, do đó có được niềm hạnh phúc. Các loại hình tôn giáo xuất hiện từ xa xưa cho đến hiện nay, ở nơi này nơi khác, cũng chỉ là những hình thức để con người tự hoàn thiện mình, tiến tới sự thống nhất với cái sáng tạo tuyệt đối.

Như vậy, tôn giáo về bản chất là sự thể hiện sự chi phối của cái sáng tạo tuyệt đối, toàn thiện, toàn mỹ đối với thế giới tự nhiên cũng như thế giới con người. Nó là cái tuyệt đối vĩnh hằng.

Quan điểm thần học và duy tâm siêu hình đã bị hầu hết các nhà khoa học bác bỏ bởi tính tư biện của nó, có chăng chỉ có trí thức của các tôn giáo hữu thần là vẫn còn kiên trì và tìm cách cải biến để cập nhật hoá.

2. Quan điểm của các trường phái khoa học xã hội và nhân văn

Trường phái ngôn ngữ - huyền thoại học của Max Muller (1827-1900). Theo trường phái này, tôn giáo có nguồn gốc trong ngôn ngữ của con người, hay nói như M.Muller, là một “căn bệnh ngôn ngữ” của con người, là hiện tượng cái lúc đầu chỉ là một tên gọi và sau đó trở thành một thần linh. Ông giải thích, khi con người có tư duy thì cũng có ngôn ngữ và ngôn ngữ là phương tiện hiệu quả nhất để nghe, hiểu, thông tin. Con người dùng ngôn ngữ để biểu đạt hành động của mình và cũng để gọi tên chúng. Họ gọi các dòng sông là những *kẻ chạy ruổi*, Mặt Trời là *“chiến binh”*, tia nắng là các *“mũi tên”*, mây là *“các con tàu”*, giông tố là kẻ

“gào hú”. Cái ngôn ngữ có tính hình ảnh so sánh ấy đã dẫn tới sự nhân cách hoá các sự vật. Đó là nguồn gốc của các huyền thoại mà huyền thoại đầu tiên là huyền thoại về Mặt Trời được quan sát hàng ngày, đã khiến các sắc tộc Aryens hình thành khái niệm *deva*, có nghĩa là “Mặt Trời lóng lánh”. Từ những ngôn từ có những thuộc tính mà họ gán cho cái siêu nhiên, con người cổ xưa dựng ra các huyền thoại được giải thích bởi sự đồng nghĩa, đa nghĩa, độc nghĩa hay sự suy ngẫm hay đối nghĩa của từ. Từ đó M.Muller cho rằng, nếu nhân loại chỉ nói cùng một thứ tiếng thì họ cũng có những huyền thoại giống nhau.

Đi xa hơn, ông còn cho rằng, sự nghiên cứu tôn giáo chỉ là sự nghiên cứu những ngôn ngữ của các sắc tộc khác nhau mà họ dùng để nói về Đấng Sáng thế của mình, và ít nhất thì đó cũng là trường hợp của các sắc tộc Ấn - Âu. Như thế, lịch sử đích thực của con người chỉ là lịch sử tôn giáo (?).

Học thuyết của M.Muller và nhất là kết luận cuối cùng của ông cần phải xem xét lại, song các nhà khoa học xã hội và nhân văn vẫn ghi nhận công lao đóng góp của ông trong nghiên cứu tôn giáo: phương pháp tôn giáo học so sánh.

Trường phái nhân học tôn giáo. Đây là trường phái tập hợp khá đông các học giả nổi tiếng quan tâm tới vấn đề nguồn gốc của tôn giáo thông qua việc nghiên cứu những dấu tích về tín ngưỡng của các tộc người đang còn chậm phát triển. Ở đây, chúng tôi tạm nêu lên quan điểm của một vài nhà nhân học tôn giáo tiêu biểu.

E.E. Evans Pritchard, người kế thừa học thuyết của Max Muller cho rằng các thần ở đâu và vào lúc nào cũng chỉ là các hiện tượng tự nhiên được nhân cách hoá, như Mặt Trời, Mặt Trăng, mùa xuân, rừng rú... Cũng như Max Muller, ông cho rằng sự

hiểu biết của con người đến từ các ý nghĩa, và cái mà người ta không nắm bắt được, như bầu trời chẳng hạn, đã đem lại cho con người cái khái niệm vô tận.

Nhà nhân học Tylor, trong tác phẩm *Văn hoá nguyên thủy*, xuất bản năm 1871, đã đưa ra khái niệm *Hồn Linh giáo*. Theo Tylor, kinh nghiệm của các giấc mơ đã phát sinh ra những ý tưởng về thần linh và linh hồn. Người đã chết rồi mà một người nào đó lại mơ gặp lại, người nguyên thủy suy ra rằng có một cuộc sống phi vật chất độc lập đối với cơ thể. Và mọi vật cũng đều có một linh hồn giống như con người. Tylor có ý chứng minh rằng tôn giáo nguyên thủy phát sinh từ một suy luận logic.

Tiếp nối Tylor, Frajer (1854-1941), trong tác phẩm *Cành cây vàng*, đưa ra một luận thuyết mang tính tiến hoá luận. Theo ông, con người trải qua 3 giai đoạn phát triển: Lúc đầu, con người cố gắng kiểm soát và điều hành thế giới bên ngoài bằng ma thuật; sau đó, họ cảm thấy bất lực và cho rằng có sự hiện diện của những sức mạnh bí ẩn mà con người có thể tác động đến bằng sự cầu khẩn và hiến lễ vật, do đó mà phát sinh ra tôn giáo. Giai đoạn cuối cùng sự phát triển của con người là giai đoạn của khoa học, và giữa ma thuật và khoa học có sự tương đồng vì cùng hướng về sự tìm tòi ra những quy luật, chỉ khác ma thuật là cái giả, khoa học là cái thật, còn tôn giáo thì tiêu biểu cho một thế giới bị chi phối bởi sự đa dạng của các thần linh.

Nhà xã hội học tôn giáo E.Durkheim⁽¹⁾ cho rằng, tôn giáo trước hết là một sự kiện xã hội. Tôn giáo sớm nhất của loài người là Vật Tổ giáo, được ông trình bày chủ yếu trong tác phẩm *Những hình thức sơ đẳng của đời sống tôn giáo* năm 1912, trong đó các đối tượng được thần thánh hoá không thể cảm nhận được, mà là những cái còn nguyên thủy hơn Hồn Linh

giáo, một dạng thức tín ngưỡng tương đối muộn. Theo ông, cái thực chất của tôn giáo là sự phân chia thế giới thành những hiện tượng thiêng liêng và những hiện tượng trần tục, chứ không phải là niềm tin vào Chúa Trời. Có những tôn giáo không có Chúa Trời. Tôn giáo là một kinh nghiệm quá thường trực và quá huyền diệu tới mức không tương ứng với một thực tế đích thực nào, mà nếu không phải Chúa Trời thì đó là xã hội. Chỉ có xã hội tự nó mới là một thực tế thiêng liêng. Với Vật Tổ giáo, trong đó một nhóm người thể hiện bản thể của mình bằng sự gắn bó với một cái cây hay một con vật là sự thờ phụng của cá nhân dành cho cái xã hội của mình. Đó là sự nhận biết một sức mạnh bao trùm lên các cá nhân, một sức mạnh vô nhân xưng đồng thời siêu thế và tự tồn, tự tại. Trong các buổi cúng lễ, mỗi cá nhân tự thoát ra khỏi bản thân mình để hoá thân vào sức mạnh cộng đồng.

Theo cách tiếp cận của Durkheim, nhưng Hubert và Mauss lại chú trọng nghiên cứu khái niệm *mana* và cho rằng đó là nguồn gốc chung cho tôn giáo và ma thuật. Cái *mana*, do Codrington phát hiện, được trình bày trong cuốn *Những người ở Melanesie* năm 1911, được Hubert và Mauss trình bày như là “không bao hàm cái trí tuệ hay kinh nghiệm, mà chỉ là sự cảm nhận về cái hiện hữu của chính xã hội, cùng các nhu cầu và ước muốn của nó”. Mana chỉ là tên gọi khác của các giá trị.

R.Otto lại đưa ra khái niệm cái “thần thánh”, được trình bày trong tác phẩm *Cái thiêng liêng* năm 1917, cho rằng đó là “cái tình cảm khởi nguyên và đặc thù mà khái niệm về cái thiêng liêng chỉ là cái kết quả cuối cùng. P.W Schmit cũng có chung quan điểm khi cho rằng cái tình

1. Theo quan điểm của các nhà tôn giáo học Pháp, E.Durkheim cũng thuộc trường phái nhân học tôn giáo.

cảm khởi nguyên đó vốn mang tính độc thân và sau đó suy biến thành ma thuật và các dạng thức tôn giáo khác.

Gần đây (vào các năm 1974, 1978, 1982, 1992), A.Girad đưa ra cách giải thích cái thiêng, được coi là nguồn gốc của tôn giáo bằng hành động sử dụng bạo lực trong xã hội nguyên sơ. Sự cạnh tranh kế cận do ham muốn chiếm đoạt vật sở hữu của người khác đã dẫn tới sự chỉ định một nạn nhân chịu trách nhiệm của hành vi bạo lực. Sự giết bỏ nạn nhân đó sẽ đem lại hoà bình trong cộng đồng và do đó nạn nhân được tôn thờ như cội nguồn cao cả của hoà bình. Cái thiêng liêng được phát sinh từ đó. Và sự hi sinh, cơ sở chung của tôn giáo chính là sự tái hiện lại cái kinh nghiệm đầu tiên của sự ấn định cái chết của một nạn nhân hoà giải. R.Girad còn sử dụng giả thuyết đó để giải thích *Kinh Thánh* và có ý chứng minh rằng *Kinh Thánh* muốn kêu gọi nhân loại thoát ra khỏi cái bạo lực của sự hi sinh để xây dựng những mối quan hệ cơ bản mới giữa con người.

Hiện nay, các nhà nhân học đang cố gắng dùng phương pháp so sánh và liên ngành để tìm ra một tiếng nói chung, song vẫn chưa xuất hiện một kiến giải nào thật sự thuyết phục.

Nhiều nhà sinh học như Pokerovski, Ranhk,... đã có những kiến giải sinh học về nguồn gốc của tôn giáo, mà người nổi tiếng nhất và có nhiều ảnh hưởng nhất là S.Freud (1856-1939), một bác sĩ tâm thần người Áo. Trong tác phẩm *Vật tổ và cấm kỵ*, Freud đã cho rằng phức cảm Oedipe (huyền thoại Hy Lạp trong đó Oedipe đã giết cha rồi lấy mẹ làm vợ) có nội dung tương ứng với những bước khởi đầu của tôn giáo, của đạo đức, của tinh thần xã hội, của nghệ thuật. Cái phức cảm ấy gồm hai nhân tố bổ trợ cho nhau là sự tranh chấp về phía người cha và sự ấn định vị thế người mẹ, có thể giải thích tất cả: Đã

tồn tại một ham muốn loạn luân đẩy con gái về phía cha và con trai về phía mẹ. Trong suy nghĩ của người nguyên thủy, sự ghen tuông của những đứa con trai với người cha, kẻ sở hữu người mẹ đã đẩy chúng tới hành động giết cha, thậm chí còn ăn thịt người cha, nhưng tội lỗi đó cũng không đem lại sự ổn định, chúng lại trở thành những đối thủ của nhau, và rồi do hối hận và do tội lỗi ám ảnh, chúng muốn hoà hoãn với người cha và tôn vinh người đã chết, nhờ đó họ liên kết lại thành thị tộc, biến kỉ niệm về người cha thành vật tổ, định ra luật kết hôn ngoại tộc được coi như mệnh lệnh của vật tổ; nhờ đó, thị tộc tránh được sự xâu xé lẫn nhau về tình dục. Những dạng thức tôn giáo tiếp theo Vật Tổ giáo cũng đều nhằm giải quyết cùng một vấn đề và “hoài niệm về người cha là cội rễ của nhu cầu tôn giáo”, hay “Chúa Trời chỉ là hình ảnh của người cha ở cấp độ cao hơn”.

Trên đây là tóm lược một vài quan điểm của các nhà khoa học xã hội và nhân văn về nguồn gốc của tôn giáo.

Ưu điểm khá rõ của các quan điểm này so với các quan điểm thần học và duy tâm siêu hình là ở chỗ họ đã tiếp cận vấn đề không phải bằng suy luận tư biện mà là bằng phương pháp khảo sát khoa học của bộ môn mà mình nghiên cứu. Do đó, chí ít, các quan điểm này cũng đã cung cấp những thông tin ít nhiều có giá trị để hiểu biết về vấn đề nguồn gốc của tôn giáo.

Tuy nhiên, thiếu sót lớn nhất của các quan điểm nói trên là, trong khi giải thích nguồn gốc của tôn giáo, họ đã không quan tâm đúng mức tới những điều kiện kinh tế, lịch sử, chính trị, xã hội đã tạo nên con người, trong đó con người sinh sống và chịu sự tác động toàn diện của các điều kiện ấy. Do vậy, vô hình trung, họ lại rơi vào cái kết cục siêu hình, khi chỉ giới hạn việc tìm hiểu nguồn gốc của tôn giáo trong một con người trừu tượng, phi lịch sử./.